

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 55/2017/HSPT
Ngày 18-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Hữu Ché

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vinh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/HSPT ngày 19/6/2017 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có kháng cáo: Vũ Đình K, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Thôn B, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Đình T, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1967; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/12/2016, có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ sáng ngày 11/9/2016, tại quán Internet của anh Vũ Đình T1 ở xã C – A, Vũ Đình K bảo Vũ Huy Đ đến chòì trông ao cá của gia đình anh Phạm Văn H, sinh năm 1994, ở thôn D, xã C để bảo anh H trả nợ tiền cho K nhưng Đ không đi một mình. Sau đó, Đ mượn xe mô tô của anh Bùi Thế C (tên gọi khác là S) là bạn đang chơi điện tử tại quán Internet của anh T1 chở K đến nhà anh H. Khi đến ngõ, K đứng ở ngoài còn Đ đi vào trong tìm anh H. Thấy trong nhà chỗ có một mình anh H đang ngủ, Đ gọi và hỏi về chiếc

sim điện thoại của Đ, anh H tỉnh dậy nói chiếc sim đang để ở trong cốp xe máy, hiện tại mẹ của anh H đang đi, sau đó anh H tiếp tục ngủ. Đ đi ra ngoài nói với K là anh H đang ngủ. Lúc này K hỏi Đ có nhìn thấy chiếc điện thoại của anh H ở đâu không, Đ nói không để ý. K và Đ tiếp tục đi vào trong chòi trông ao cá nhà anh H, thấy anh H đang ngủ một mình, chiếc điện thoại OPPO F1S của anh H đang cắm sạc pin để ở trên ổ cắm điện gần giường ngủ nên K bảo Đ lấy chiếc điện thoại này. Đ đồng ý và rút dây sạc pin của điện thoại rồi cầm chiếc điện thoại đi ra ngoài. Do K là người điều khiển xe không cầm được điện thoại nên K bảo Đ cầm giữ chiếc điện thoại này để K chờ Đ quay về quán Internet của anh T1. Tại đây, Đ đưa chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được học K cất giữ.

Đến 11 giờ cùng ngày, anh H ngủ dậy thấy mất điện thoại. sau khi tìm kiếm, thông qua chức năng định vị, anh H phát hiện chiếc điện thoại bị mất đang ở quán Internet của anh T1 nên rủ anh Vũ Thọ T2, sinh năm 1994, ở thôn E, xã C là bạn đến tìm gặp Đ. Đ nhận đã lấy chiếc điện thoại di động của anh H và đã đưa cho K, K nói với anh H là chiếc điện thoại này K đã cầm cố, nhưng thực tế K vẫn giữ trong người. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K bảo Đ mang theo chiếc điện thoại đến quán nhà anh Vũ Đồng L1, sinh năm 1980, ở khu vực ngã tư F, xã G để cầm cố điện thoại nhưng anh L1 không nhận cầm cố. Đ đi về đưa chiếc điện thoại cho K, sau đó K mang đến quán nhà anh L1 cầm cố cho anh L1 được 2.000.000 đồng, K đưa Đ 500.000 đồng, số tiền còn lại Đ và K cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Đ cũng chi tiêu cá nhân hết số tiền 500.000 đồng. Khoảng 3, 4 ngày sau, Đ và K bàn bạc với nhau về việc bán chiếc điện thoại này với giá cao. Đ gặp anh Vũ Đình U là anh trai của K và thỏa thuận về việc mua bán chiếc điện thoại OPPO F1S đang cầm cố ở quán nhà anh L1 với giá 3.500.000 đồng. Anh U đồng ý và mang theo 2.000.000 đồng đến chuộc điện thoại, đồng thời đưa cho Đ thêm 1.000.000 đồng và trừ số tiền 500.000 đồng trước đó Đ nợ U. Số tiền 1.000.000 đồng, Đ và K chi tiêu cá nhân hết. Anh U sử dụng chiếc điện thoại này được khoảng 02 ngày, rồi tiếp tục mang đến quán nhà anh L1 cầm cố được 3.500.000 đồng.

Ngày 12/9/2016 anh Phạm Văn H làm đơn trình báo Công an huyện A giải quyết.

Ngày 27/9/2016, Vũ Huy Đ đã đưa cho anh Phạm Văn H số tiền 3.500.000 đồng, sau đó anh H đưa cho anh U số tiền này để anh U đến quán nhà anh L1 chuộc lại điện thoại trả cho anh H.

Ngày 03/10/2016, anh H tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại OPPO F1S cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A để phục vụ công tác điều tra.

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A ngày 12/10/2016 kết luận: Xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 15H1-193.24 của gia đình anh Cương trị giá 15.000.000 đồng

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A ngày 07/10/2016 kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng đã qua sử dụng của anh H trị giá 4.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đình K 12 (mười hai) tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2017 bị cáo Vũ Đình K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định, đề nghị xem xét theo quy định. Về hành vi phạm tội: bị cáo cùng Đ trộm cắp 01 điện thoại di động trị giá 4.800.000đ, mặc dù bị cáo là người khởi xướng nhưng xét nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bản thân đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có ông ngoại, bác tham gia quân đội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù là thỏa đáng nhưng có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo rủ Vũ Huy Đ ra chòì cá của anh Phạm Văn H để đòi nợ, khi đến chòì thấy anh H đang ngủ, bị cáo bảo Đ lấy chiếc điện thoại của anh H đang sạc pin, Đ lấy điện thoại đưa cho K, K mang cầm cố chiếc

điện thoại lấy tiền cả hai chi tiêu. Sau khi bị anh H phát hiện, Đ đã đưa tiền cho anh H chuộc lại điện thoại. Theo kết luận định giá tài sản, chiếc điện thoại OPPO F1S của anh H trị giá 4.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp Sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới: Ông ngoại bị cáo và bác ruột bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân, Huy chương, đều là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; bản thân bị cáo có thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 01/2012 phục vụ trong quân đội. Và trong vụ án này, mặc dù bị cáo là người đề xuất trộm cắp tài sản, nhưng chỉ là cơ hội vì trước đó không có sự bàn bạc, phân công. Mặt khác theo nhận xét của chính quyền địa phương bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét bị cáo có đủ điều kiện cải tạo ngoài xã hội nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo là giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa Bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Vũ Đình K hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Đình K: 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo K cho UBND xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thi hành theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 08/2017/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSTP, VKS sơ thẩm;
- Công an cấp sơ thẩm
- PV27, PC81 Công an thành phố;
- Tòa án cấp sơ thẩm
- Sở Tư pháp TP HP;
- TB kết quả xét xử;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm